TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.
Các Hội thẩm nhân nhân dân:
1. Ông Lê Văn Kiệt.
2. Bà Lê Thị Minh Thắm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đào Thị Kim N**, sinh năm: 1987;
Địa chỉ: ấp T, xâ L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn*: Anh **Lê Nguyễn Tuấn T**, sinh năm: 1985;
Địa chỉ: Số Q, đường P, Phường B, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang.

(Có mặt chị N, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị Kim N trình bày: Do quen biết nên vào năm 2011 chị và anh Lê Nguyễn Tuấn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả do bất đồng quan điểm, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T.

Về con chung: Chị Ntrình bày trong thời gian chung sống với anh T có 01 con chung là Đào Triều T1, sinh ngày 10/11/2015. Nguyện vọng sau khi không

công nhận quan hệ vợ chồng chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 01/3/2019, chị Đào Thị Kim N nộp đơn khởi kiện bổ sung, cụ thể về con chung chị trình bày có 02 con chung là Đào Quỳnh H, sinh ngày 04/9/2011 và Đào Triều T1, sinh ngày 10/11/2015. Chị mang thai cháu H trước khi sống chung với anh T, nhưng anh T thừa nhận cháu H là con chung nên chị cũng thừa nhận về con chung có 02 cháu như trên. Nguyện vọng sau khi không công nhận quan hệ vợ chồng, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

* Tại bản tự khai ngày 20/2/2019 anh Lê Nguyễn Tuấn T trình bày: Anh và chị N chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Vợ chồng có 02 con chung là Đào Quỳnh H sinh năm 2011 và Đào Triều T1 sinh năm 2015. Sau khi không công nhận quan hệ vợ chồng anh không yêu cầu nuôi 02 con chung, nhưng chị N phải đảm bảo cho anh được quyền thăm 02 con. Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2019 anh T lại trình bày quan điểm không đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với chị N. Về con chung: yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa:

Chị Đào Thị Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh T. Về con chung chị thừa nhận có 02 con chung là cháu Đào Quỳnh H và Đào Triều T1. Chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T, về con chung giao 02 con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị Kim N và anh Lê Nguyễn Tuấn T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2011, không có đăng ký kết hôn. Ngày 04/01/2019 chị N khởi kiện yêu cầu được không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự và theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn anh Lê Nguyễn Tuấn T đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Kim N và anh Lê Nguyễn Tuấn T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2011 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ngày 04/01/2019 chị N khởi kiện yêu cầu được không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về con chung: Chị N trình bày trong thời gian chung sống với anh T vợ chồng có 01 con chung là Đào Triều T1, sinh ngày 10/11/2015, riêng cháu Đào Quỳnh H, sinh ngày 04/9/2011 là con của chị với người khác trước khi chung sống với anh T. Trong bản tự khai cũng như tại biên bản hòa giải anh T thừa nhận cả hai cháu Đào Triều T1 và Đào Quỳnh H đều là con chung của anh chị trong thời gian sống chung. Ngày 01/3/2019, chị N có đơn khởi kiện bổ sung, về con chung chị trình bày anh chị có 02 con chung là Đào Triều T1 và Đào Quỳnh H, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa chị N cũng thừa nhận cháu Đào Quỳnh H là con chung của chị với anh T trong thời gian sống chung. Căn cứ Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định "Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ đó là con chung của vợ chồng. Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận cũng là con chung của vợ chồng". Như vậy, xác định cả hai cháu Đào Triều T1 và Đào Quỳnh H đều là con chung của chị N và anh T. Xét thấy hiện nay cả hai con chung đang sống chung với chị N tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Anh T cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng không có mặt tại phiên tòa, không đưa ra một giải pháp cụ thể nào về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đào Quỳnh H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Anh T có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 9, 11, 87, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b, khoản 3 nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đào Thị Kim N và anh Lê Nguyễn Tuấn T;

- Về con chung: Giao cháu Đào Quỳnh H, sinh ngày 04/9/2011 và Đào Triều T1, sinh ngày 10/11/2015 cho chị Đào Thị Kim N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Lê Nguyễn Tuấn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này .

2. Về án phí: Chị Đào Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013646 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Thúy Hằng